

Practice 10-1: Some answers may vary. Use your own judgment for best answers. Here are examples:

1. Khăn trùm đầu có ba loại: voan, vải len và nhung.
2. Khăn nhung giá 10 đồng một cái.
3. Liên muốn mua khăn loại vải len.
4. Khăn trùm đầu có ba màu: đen, nâu và lục đậm.
5. 7 đồng 54 xu là tiền khăn và tiền thuế.
6. Tôi thích khăn trùm đầu màu hồng.
7. Người bán hàng là nữ.
8. Đây là loại tiệm tạp hoá.
9. Loại khăn nhung mắc tiền nhất.
10. Màu nâu là do (2) màu đỏ + (1) màu vàng.
11. Voan là phiên âm từ chữ *voile* của tiếng Pháp
12. cà-vạt, soong, fi-lê, xà-bông, phim, [ô-tô, xăng (essence), ga (gare), ...]
13. khăn quàng, khăn mù-soa, khăn mặt, khăn tắm, khăn ăn, khăn tang, khăn đống, khăn choàng, khăn trùm đầu, khăn trải bàn, khăn rằn, khăn mỏ quạ, khăn tang, ...
14. 10 màu thường thấy là: đen, trắng, vàng, đỏ, xanh, lục, cam, nâu, tím, xám.
15. Các loại tiền trên thế giới tôi biết được: đô-la Mỹ/Hồng-Kông/Úc/Gia-nã-đại, đồng bản Anh, đồng Mác (Đức), đồng peso (Tây Ban Nha), đồng yen của Nhật, đồng yuan 'nguyên' của Trung Cộng, đồng riel của Cao Miên, đồng baht của Thái Lan, đồng franc của Pháp, đồng rupee của Ấn Độ, đồng rúp (ruble or rouble) của Nga (Russia), ...

Practice 10-2: Answer these questions in paragraph form. Some answers can be found in Dialog Two

Tâm cần mua một bộ khoan. Anh ấy đi chợ trời và tìm được món đồ anh ấy muốn mua. Đó là bộ khoan. Người bán hàng đòi 90 đồng nhưng Tâm trả 60. Thật vậy, người bán hàng nói thách quá mức. Sau một hồi trả giá, Tâm mua bộ khoan với giá 70 đồng. Mua xong, Tâm nghĩ nếu cứ bỏ đi thì có lẽ người bán hàng chịu bán cho anh với giá 60 đồng.

Practice 10-3 Refer to Dialog Three and fill in the blank in the passage below:

Trong văn phòng làm việc bàn của Liên và Hải kề cạnh nhau (side by side). Thường ngày Liên và Hải chuyên trò rất thân mật. Hôm nay máy in của Hải hết giấy nhưng anh ấy chưa kịp đi lấy. Hải nghĩ rằng Liên sẽ không nổi bực khi mượn đống của Liên một ít giấy. Anh ấy liền lấy xấp giấy (stack of paper) của Liên để trên bàn. Khi Liên về bàn làm việc của mình và không còn thấy xấp giấy ở đó, Liên liền la lớn: “Ai lấy xấp giấy của tôi để trên bàn?” Hải vừa nói vừa cười (said smiling): “Tôi lấy!” Tức thì (instantly) Hải bị Liên cự: “Đồ của tôi thì cứ để yên cho tôi! Trả lại ngay!” Thấy Liên nổi giận, Hải liền xin lỗi: “Xin lỗi chị, tôi trả lại ngay.”

- Practice 10-4:
1. Ngày chủ nhật hôm ấy, tác giả đi chợ trời
 2. Tác giả mua một bộ khoan và cái TV.
 3. Cái TV là đồ dỏm.
 4. Xe của tác giả bị đình xẹp bánh xe.
 5. Tác giả gọi về nhà nhưng không được vì điện thoại hết pin.
 6. Cái mắt kính của tác giả rơi xuống trúng phải cục đá.
 7. Trên đường về nhà, tác giả bị cảnh sát phạt.
 8. Tác giả về đến nhà thì đã hai giờ chiều.
 9. Sau đó tác giả bị vợ cự một trận vì không chịu chở bà ấy đi chợ.
 10. Tôi thỉnh thoảng cũng bị xui xẻo giống tác giả.

Practice 10-5: Please see answer in the back of the book – Appendixes; Scripts for Listening Practices

Practice 10-6: Make sentences using the given words or groups of words:

1. Anh **bớt** cho tôi 5 đồng được không?
2. Tôi rất thích/ghét xe màu **đen**.
3. Anh phải **hứa** với tôi là đến đúng giờ.
4. Chị ấy dữ lắm, tôi không **dám** nói với chị ấy.
5. Vui lòng cho tôi xem cái **khăn trùm đầu** màu nâu.
6. Cho tôi **xem qua** cái khoan này được không?
7. Đây là chợ trời, anh cứ việc (go ahead) **trả giá** (haggle over the price).
8. Tôi thấy bài này **khó quá**.
9. Chủ nhật này thật là một ngày **xui xẻo**.
10. Nó **bị phạt** vì chạy xe quá nhanh.

Practice 10-7: l c b k h a e d i g

- | | | |
|----------------|--|-----------------------------------|
| Practice 10-8: | 1. Ô! Hôm nay trời đẹp quá!* | 1b. Ô, hôm nay trời đẹp quá! |
| | 2. Ái chà! Trong nhà nóng quá! | 2b. Ái chà, trong nhà nóng quá! |
| | 3. Cha chả! Trông chị vui quá! | 3.b Cha chả, trông chị vui quá! |
| | 4. Ối chao! Ông ấy khó tánh lắm! | 4b. Ối chao, ông ấy khó tánh lắm! |
| | 5. Hay quá! anh Nam đến rồi! | 5b. Hay quá, anh Nam đến rồi! |
| | 6. Áy! Bà cụ suýt bị té kia! | 6b. Áy, bà cụ suýt bị té kia! |
| | 7. Ô! cô Oanh có xe mới! | 7b. Ô, cô Oanh có xe mới! |
| | 8. Cháy! Cháy! Có lửa cháy! | 8b. Cháy, cháy, có lửa cháy! |
| | 9. Đừng hòng, tôi không thương anh đâu! | |
| | 9b. Đừng hòng, tôi không thương anh đâu! | |
| | 10. Tết năm nay vui quá! | |
| | 11. Ái chà! Trời lại mưa nữa! | 11b. Ái chà, trời lại mưa nữa! |
| | 12. Hay quá! Anh hát hay quá! | 12b. Hay quá, anh hát hay quá! |
| | 13. Giỏi! Anh làm hư hết mọi việc của tôi! | |
| | 14. Chúc mừng anh vừa lên chức! | |

15. **Đừng hòng! Tôi không bao giờ cho nó mượn xe đâu!**

* Depending on one's attitude and mood, an exclamation can usually be expressed in one of two ways: a) a pause between interjection word and the rest of the utterance, and b) there is no pause at all. One without a pause has a comma.

Practice **10-9:** A: Chào anh Tâm, Anh đi đâu đó?

B: Dạ, tôi đang đi thăm người bạn.

A: Vậy hả, hôm nay anh không đi làm sao?

B: Dạ không. Hôm nay tôi được nghỉ làm nên đi chơi.

A: Nếu vậy, có rảnh thì ghé chỗ tôi chơi nghe.

B: Dạ được. Khi nào rảnh tôi sẽ ghé thăm anh.

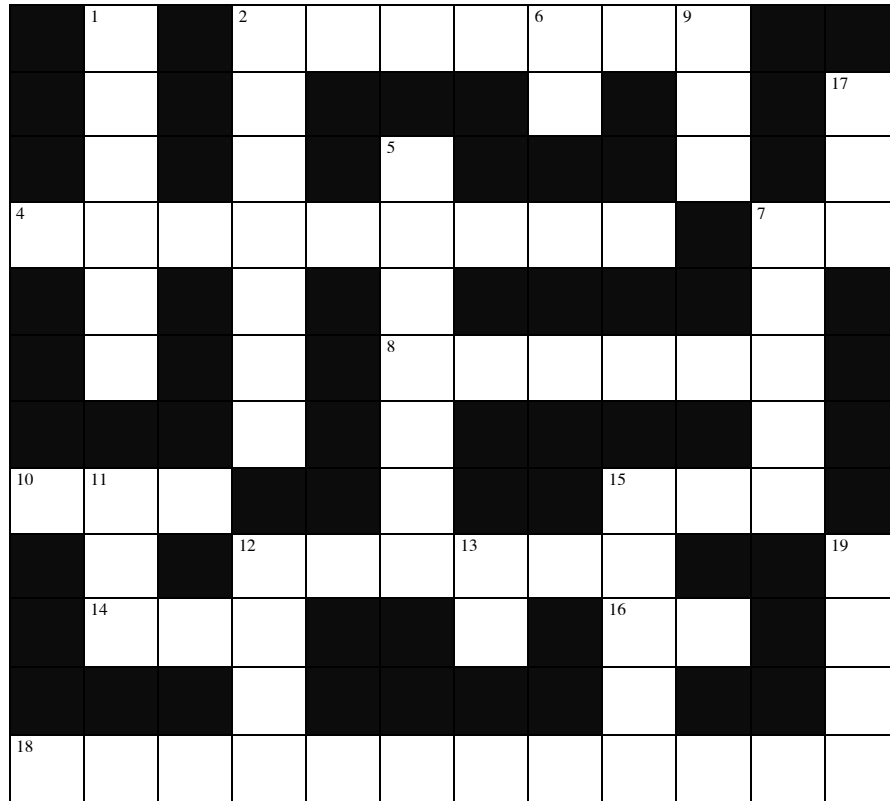
A: Cảm ơn anh trước. Thôi tôi đi nghe anh Tâm.

B: Dạ, chào anh.

Practice **10-10:** Please see answer in the back of the book – Appendixes; Scripts for Listening Practices

PLEASE COMPLETE THE CROSSWORD PUZZLE BELOW.

Ô CHỮ – CROSSWORD PUZZLE



BÀI #10

NGANG

- 2. giữ trật tự
- 4. máy để nói chuyện
- 7. cầm trong tay
- 8. không nhận lời
- 10. chưa thể làm ngay
- 12. không may mắn
- 14. tặng ai cái gì
- 15. mùa thứ 3 trong năm
- 16. đồ tươi
- 18. đang bận rộn làm gì

ĐỌC

- 1. cán phải đình
- 2. ngày cuối tuần
- 5. chợ không mái che
- 6. không dám
- 7. sau bữa trưa
- 9. đến nơi
- 11. công việc của sinh viên
- 12. chấm hết
- 13. cái chân ở Mỹ
- 15. rất mới
- 17. nghỉ hoài không ra
- 19. bằng mắt

Answers to these Crossword Puzzles can be found in Practices Section/Methods of Teaching Vietnamese. Thanks for participating in our program.